

Đề bài

Nhà nghiên cứu văn học Đặng Thai Mai có viết: “Điều quan trọng hơn hết trong sự nghiệp của những nhà văn vĩ đại ấy lại là cuộc sống, trường đại học chân chính của thiên tài. Họ đã biết đời sống xã hội của thời đại, đã sâu sắc cảm thấy mọi nỗi đau đớn của con người trong thời đại, đã rung động tận đáy tâm hồn với những nỗi lo âu, bức bối, tủi hổ và những ước mong tha thiết nhất của loài người. Đó chính là cái hơi thở, cái sức sống của những tác phẩm vĩ đại”. (Quá trình bồi dưỡng nghề viết văn của tôi, in trong Công việc viết văn, Trường viết văn Nguyễn Du, Hà Nội, 1985, trang 84). Anh, chị hãy bình luận ý kiến trên.

(Đề thi học sinh giỏi quốc gia năm 1989, Bảng B)

Bài làm

Nói đến Đặng Thai Mai, người ta thường nghĩ ngay đến một nhà văn hóa, một ngòi bút phê bình có tên tuổi, nhưng có lẽ cũng cần nói thêm: Ông còn là một nhà văn. Chính vì thế, sức nặng của sự nhận định trên không phải chỉ là sự đúc kết đầy chiêm nghiệm của một nhà phê bình từng trải mà còn là sự thể nghiệm của người đã từng sáng tác và chịu sự trả giá từ những quy luật sàng lọc nghiệt ngã của văn chương. Có lẽ vì thế mà Đặng Thai Mai hạ bút:

“Điều quan trọng hơn hết trong sự nghiệp của những nhà văn vĩ đại ấy lại là cuộc sống” – một nhận xét mang tính lí luận về mối quan hệ giữa nhà văn và cuộc sống. Ngòi bút của Đặng Thai Mai sắc sảo trong việc lí giải theo quy tắc diễn dịch: “Họ đã biết đời sống xã hội của thời đại” là cái nền, là cơ sở vững chắc để nhà văn “sâu sắc cảm thấy mọi nỗi đau đớn của con người trong thời đại”, và trên cơ sở của những rung động phong phú về đời sống tâm hồn của “con người” thời đại ấy mà vươn tới tâm cao của những giá trị tâm hồn “loài người”.

Nhận định của Đặng Thai Mai làm nổi bật nội dung cơ bản mối quan hệ giữa nhà văn và cuộc sống. Đó chính là sợi dây vững chắc cho mọi cánh điều tài năng bay bổng, vươn tới tầm cao của thời đại.

M. Gorki trong suốt cuộc đời mình, với những tác phẩm đồ sộ, đã dành hẳn một khoảng lớn cho tác phẩm *Trường đại học của tôi* miêu tả những cảnh đời cơ cực mình đã đi qua. Có thể xem đó là một định nghĩa đầy văn học cho sự tương tác giữa nhà văn với cuộc sống mà Đặng Thai Mai đã láy lại đầy ngụ ý. Gắn với cuộc sống – đó là một đặc trưng thẩm mĩ của văn học, của tác phẩm văn học mà nhịp nổi là nhà văn – chủ thể sáng tạo. Cuộc sống hiện thực phong phú, phức tạp vừa là đối tượng hướng tới, vừa là nguồn mạch nuôi dưỡng văn học. Quay lưng lại với cuộc sống, mãi mê với chuyện đọc chữ, luyện câu, mọi giá trị văn chương chỉ là một thứ kĩ xảo. Lục Du đã viết hàng trăm câu thơ, lúc sắp mất trời lại cho con, lời trăng trối mang sức nặng chiêm nghiệm của một hồn thơ là ở “ngoài thơ”. Thi ra, sức nặng của trang thơ, của những con chữ lại chính ở cuộc đời đầy nắng gió ngoài kia. Nhà thơ phải đến đó, phải tìm đến đó, để ngòi bút viết lên bằng thứ mực chung cất từ chính cuộc đời đầy phức tạp, bộn bề bao thanh âm của mọi số phận. Văn học ra đời từ cuộc sống một cách tự nhiên như đã trở thành quy luật thông lệ, nó lại quay trở về để khám phá, thể hiện cuộc sống. Đưa trẻ lớn lên ngày một cứng cáp, tự khẳng định mình. Văn học muốn cường tráng càng phải dầm mình trong bầu sữa của bà mẹ cuộc sống. Nhà văn phải là người, nói như Nam Cao, mở lòng hòa với, đón bắt mọi âm thanh của cuộc sống (một ý văn trong *Trăng sáng*). Và đó là điểm mấu chốt quyết định thành công nghệ thuật của văn chương mọi thời.

Song nếu như cái kết luận của văn sĩ Điền trong tác phẩm của Nam Cao kia là kết quả của một quá trình vật lộn nhọc nhằn, thì cái việc coi cuộc sống

là “trường đại học chân chính” cũng hết sức công phu, đòi hỏi một bản lĩnh, một ý thức cao độ của người nghệ sĩ – điều mà không phải nhà văn nào cũng có được. Mỗi chúng ta ai chẳng sống trong cuộc đời, nhưng để hiểu nó đâu phải chuyện đơn giản, bằng có là không phải ai cũng có thể trở thành nhà văn, tuy việc khám phá hiện thực cuộc sống chưa phải là tất cả trong văn chương.

Có lẽ nên coi mệnh đề “trường đại học chân chính” không đơn thuần là việc nhà văn ghi chép lại mọi sự kiện đời sống. Đặng Thai Mai rất có ý thức về điều đó, khi ông viết: “Họ đã viết đời sống xã hội của thời đại”, quan trọng hơn “đã sâu sắc cảm thấy mọi nỗi đau đớn của con người trong thời đại”. Thì ra, đến với cuộc sống, nhà văn không chỉ quan sát mà cơ bản hơn là khám phá, thẩm định nó; khám phá, thẩm định để tìm ra bản chất của xã hội từ sự bề bộn, đa dạng của nó. Song nếu chỉ dừng lại ở đó, nhà văn mới chỉ là nhà chính trị. Chỉ dừng lại ở đó, tác phẩm mới chỉ là cuốn sử biên niên thuần túy. Cái sâu xa hơn để văn học được coi là văn học là khi từ những hiểu biết về đời sống xã hội ấy mà “sâu sắc cảm thấy mọi nỗi đau đớn của con người trong thời đại”, là khi ở bình diện “đời sống xã hội” có thêm nét “cảm” – những rung động của trái tim nghệ sĩ. Cái cảm ở đây không phải là cái cảm chợt đến, nó có căn nguyên từ sự hiểu biết sâu xa về đời sống xã hội ở trên. Nó là sự gắn bó và lóe sáng từ trong sự nhuần nhuyễn của tư duy xúc cảm của nhà văn.

Vẫn trên hướng chủ đạo nhà văn và cuộc sống, ngòi bút của Đặng Thai Mai nhấn mạnh tới quan điểm: Con người đến với cuộc sống từ nhiều nẻo đường, trên vô vàn cung bậc phong phú, nhưng tiêu điểm mà nhà văn hướng tới vẫn là con người. Thực ra, khi khẳng định đối tượng của văn học là con người. Đặng Thai Mai không chỉ dừng lại ở góc độ triết học của văn học khi phản ánh cuộc sống, bởi lẽ: “Con người là sự tổng hòa của các mối quan hệ xã hội”. Văn học thể hiện con người đồng thời thể hiện cuộc sống cao hơn từ góc độ nhân văn. Mối quan hệ giữa con người và văn học, bên cạnh việc kết dính của sự khám phá, thể hiện cuộc sống như trên đã phân tích, còn là đối tượng của thẩm mỹ. Từ một dáng đứng thẳng đến một từ thể bay lên vũ trụ đều là đối tượng thẩm mỹ của văn học nghệ thuật. Nó đòi hỏi ở nhà văn không chỉ có độ sắc sảo của trí tuệ mà còn có cái tình nồng mặn, thủy chung, bền chặt trước cuộc đời, trước con người; không phải chỉ là vốn sống mà quan trọng hơn là nhân cách sống. Sống thờ ơ, ghẻ lạnh, như một kẻ bàng quan quyết không thể khám phá nổi con người – một đối tượng của thẩm mỹ. *Truyện Kiều* của Nguyễn Du có những hiện thực của *những điều trông thấy* nhưng phải dưng chặt ra từ giọt nước mắt đau đớn tui lòng của thi sĩ suốt bao năm chìm nổi. Nhà văn phải sống hòa nhập vào cuộc đời để đón lấy những rung động của xã hội, của lòng người. Nguyễn Du đã đi qua biết bao biến thiên lịch sử “đâu bể” nhưng con người thi sĩ của ông chỉ nhìn xã hội qua số phận của người kĩ nữ *Long Thành cầm giã ca*, so sánh nét son

trẻ ngày nào và vẻ tàn phai, mệt mỏi hôm nay để thấm thía hơn lẽ hưng vong của thời thế và cũng để đau đớn cái nỗi đau chìm nổi của kiếp sống con người.

Như nhập vào trong cách nhìn đó mà ngòi bút của Đặng Thai Mai cứ như một dấu huyền, day dứt vào hai chữ “đau đớn”. Câu văn nghị luận đọc lên cứ rung rung!

Lại nhớ đến nhà lí luận, trong bài bàn về văn học và hiện thực, có tâm sự: Hình như mọi nỗi buồn dễ ở lại hơn mọi hát ca xung tưng. Và Nam Cao đã lấy hẳn hình tượng giọt nước mắt làm nhan đề cho thiên truyện của mình với lời đề từ “nước mắt là miếng kính biến hình vũ trụ”. Đâu phải ngẫu nhiên mà Đặng Thai Mai đảo lên “sâu sắc cảm thấy” chứ không phải là logic thường thấy; và kế đó là cụm từ “nỗi đau đớn của con người”. Đến đây, có lẽ phải nói thêm: Có một sự chuyên hóa trong nỗi đau của nhân tình vào trong nỗi đau của chủ thể người cầm bút. Đúng hơn là sự hòa nhập nỗi đau nổi sóng, đầu ngọn bút như có máu của Nguyễn Du. Phải đau đớn với nỗi đau của mọi người để giã bày nó lên trang văn như một hành động chia sẻ, cảm thông với cuộc đời. Đó là thiên chức, là chiều sâu trong ngọn bút của nhà văn. Cái đau ngoài đời là cái đau của số phận: vào trong văn chương là cái đau của thời đại. Nỗi đau với nhiều phương diện của nhân tình thế thái, của những thăng giáng lịch sử, có thể là nỗi đau trước sự băng hoại của nhân phẩm trong thơ của Nguyễn Khuyến, Tú Xương... có khi là nỗi đau của nhân cách bị chà đạp. Ở phương diện thứ nhất, nỗi đau là sự cảnh tỉnh của nhà văn trước cuộc đời để con người tự soi lại mình, để sống đẹp hơn. Ở phương diện thứ hai, nó là sự cảm thông, đồng điệu của tác giả.

Thời xa vắng của Lê Lựu cũng là nỗi đau, nỗi đau về một thời cái “tôi” bị tỏa chiết, để từ đó rung lên một hồi chuông cấp báo với xã hội: Hãy chú tâm đến cả cá nhân. Đó là chiều sâu nhân đạo và đó cũng là sự cảnh tỉnh để con người tự nhận thức lại mình. Tố Hữu, Hồ Chí Minh đau với một tiếng rao đêm, một tiếng khóc trong nhà lao của em nhỏ. Nỗi đau như một sự đồng cảm của một lực đỡ diu. *Mùa lá rụng trong vườn* lại là nỗi đau của nhà văn trước sự băng hoại của nhân cách, của sự ích kỉ đang phá tung mọi sợi dây gắn bó đồng loại đến từng cá nhân, từng gia đình nhỏ bé.

Nỗi đau trong trang văn vì thế là nỗi đau đầy nhân đạo, khi sẻ chia, khi vẫy gọi con người vượt lên những mất mát, những gì xấu xa để vươn tới cái đẹp của chân – thiện – mỹ. Nó để người đọc đối diện với nỗi đau, làm trào ra những giọt nước mắt thanh lọc và nhân đạo hóa tâm hồn.

Có lẽ chính từ quan niệm ấy mà Đặng Thai Mai không tự hạn chế mình khi tiếp tục hướng ngòi bút vào một hiện thực đầy phức tạp của con người: “bực bội”, “tủi hổ”... Ở đây có lẽ không còn là vấn đề trái tim mà đúng hơn là một cái nhìn sắc sảo đã quyện vào trong xúc cảm, chi phối cái nhìn khám phá của nhà văn. Bởi lẽ, nó đòi hỏi người nghệ sĩ không chỉ dùng tầm mắt của mình ở bề nổi của tâm trạng, mà phải phát hiện ở đó những

hiện thực đa chiều ẩn sâu. Tuy nhiên, cần phải nói thêm, nhà văn đến với cuộc sống đâu phải chỉ bằng nỗi đau đớn, lo âu... bên cạnh đó, như một sự bổ sung, cũng cần ở nhà văn một cái nhìn phát hiện những gì cao đẹp của con người, của nhân cách, phát hiện những niềm vui của con người. Đó vừa là sự khẳng định, vừa là sự tiếp nối niềm tin trong sáng về nhân cách và bản chất thâm mỹ của con người. Nguyễn Du đã đau với số phận Kiều, nhưng cũng chính Nguyễn Du đã phát hiện ra *chữ trịnh còn một chút này* của số phận tương như đã bị đập xuống đáy sâu của nhân cách, đã phát hiện ra cái trịnh bạch trong con người Kiều giữa cuộc đời dũ dẩn, đen tối. Sự phát hiện ấy đã làm nên giá trị nhân đạo của tác phẩm. Chỉ có như thế nhà văn mới có thể nắm bắt được trọn vẹn sự phong phú, đa dạng của tâm hồn con người trước cuộc sống.

Trong khi đổi mới, một số nhà thơ hôm nay đã có cái nhìn tinh táo trước hiện thực cuộc sống:

Say sưa quá chợt bây giờ nhìn lại

Lũy tre làng ngỡ như bình yên ấy

Chứa bao điều bão tố ở bên trong.

(Võ Văn Trục)

Trần Lê Văn lại có cái nhìn khác để so sánh đối chiếu (*Con mắt mèo*). Nhà thơ Ý Nhi cũng có cách nhìn nhận cuộc sống đầy đối nghịch. Trong hoạt động của con người, sự nhẫn nại vẫn đồng hành với sự vội vã, cũng như gặp gỡ và chia tay, nỗi đau và niềm hạnh phúc. Và tất cả những bộn bề ấy vẫn nối nhau trôi trong nhịp điệu của cuộc sống muôn đời. Nhà thơ đã đắm mình vào cuộc sống để thu bắt mọi luồng giao thoa qua lại, những đối cực đầy tinh tế của tâm hồn con người (*Người đàn bà ngồi đàn*).

Cách nói của Đặng Thai Mai vì thế nên hiểu như một cách nói nhân, một sự gợi ý cho một vẻ còn ẩn chứa. Nó hướng ngòi bút vào một cái nhìn toàn diện nếu ta hiểu không ít người trước đây phủ nhận khái niệm bi kịch số phận trong xã hội chúng ta. Và văn học một thời của chúng ta thường vươn lên tầm sử thi với những nét hoành tráng, với những chiến thắng của thời lửa đạn đầy kiêu hãnh mà phần nào lãng quên số phận con người với những nỗi đau, những nét tâm tư sâu kín.

Từ trên nền một sự hiểu biết, cảm nhận sắc sảo ấy, nhận định của Đặng Thai Mai triển khai trên một cấp độ mới, đó là sự nắm bắt “những ước mong tha thiết nhất của loài người”. Nếu như những tiêu chuẩn, quy phạm trên kia là yêu cầu đối với bất kì nhà văn chân chính nào, thì nét bổ sung sau chót lại là tiêu chuẩn của một tài năng, một đại bút. Nhà văn không chỉ nắm bắt được những nét tâm tư đã hình thành mà còn cao hơn là sự dự cảm nắm bắt những dư âm không lời của khát vọng. Sự “rung động tận đáy” nói trên có thể coi là căn nguyên trong việc nắm bắt “những ước mong tha thiết của loài người”.

Đó là nét dự cảm của văn chương, nhưng khác với những lí giải siêu hình của các triết gia tư sản về những khu vực tiềm thức ma quái. Nét dự cảm của văn chương, với Đặng Thai Mai, có căn nguyên từ sự đào sâu, khám phá hiện thực thời đại của người nghệ sĩ. Đây chính là sự tiếp cận cuộc sống trên nhiều bình diện khác nhau, trong mối tương quan của quá khứ với tương lai. Đó chính là cơ sở của tính dự báo trong văn học. Nhà văn sống hết mình với thời đại sẽ phát hiện ra những “ước mong tha thiết nhất của loài người”, phải ánh nó vào trong tác phẩm để hướng con người tới những gì cao đẹp. Ở một góc độ nào đó, nó là sự phát triển về chất của quá trình khám phá cuộc sống từ nhiều chiều.

Song có lẽ điều thú vị và sâu xa hơn trong nhận định của Đặng Thai Mai là ở chỗ đặt “ước mong tha thiết nhất của loài người” cạnh nỗi đau trên, khẳng định văn học bao giờ cũng phải vượt lên nỗi đau để định hướng về một cái gì đó cao đẹp hơn của con người. Và đó chính là định hướng cho tính dự báo của văn chương.

Từ cuộc đời đến tác phẩm cần một nhịp nổi là nhà văn. Nên chẳng xem nhận định của Đặng Thai Mai như một tâm niệm về thiên chức và phẩm chất của nhà văn. Đây chính là nhiệt tình nồng cháy, thủy chung máu thịt với cuộc đời, một cách nhìn phát hiện, một nhân cách sống và viết. Đó là những bài học cho người cầm bút. Từ cá nhân nối với cuộc đời nhân loại – đó chính là nhịp nổi của một trái tim yêu thương con người. “Từ chân trời của một người đến chân trời của tất cả” (Pôn Êluya). Bên cạnh đó, một tài năng nghệ thuật, một sự khổ nhọc của những vấn đề bấp núc cũng cần được lưu tâm. Bởi lẽ gắn với cuộc sống mới chỉ là điều “quan trọng hơn hết” mà chưa phải là tất cả. Một năng khiếu nghệ thuật cũng là một nhân tố cho “hoi thờ”, “cho sức sống” của những tác phẩm vĩ đại.

Trần Văn Toàn
Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong – Nam Định
(Bài đoạt giải nhất)